



HỌC ANH NGỮ TRÊN ĐÀI VOA

Để nghe bài học, xin [Bấm Vào Đây](#)

Đây là chương trình Anh Ngữ Sinh động New Dynamic English bài 48. Phạm Văn xin kính chào quý vị thính giả. Trong bài học này quý vị sẽ nghe chuyên Ngõ phố Ngoài Phố, Man on the Street Kent Moss phỏng vấn nghệ sĩ chơi đàn vĩ cầm ở trung tâm đài kỷ niệm tổng thống Washington ở trên Đồi Capitol Hill-Pháp Constitution Avenue ở Washington, D.C, sau đó quý vị nghe câu chuyện giữa bài Story Interlude; sau đó quý vị nghe nốt đoạn diễn đàm giữa Charles Blake với khách sạn Embassy Suites Hotel.

Xin nghe mẫu chuyện:

The Washington Monument =đài kỷ niệm tổng thống Washington ở trên đồi Capitol Hill Constitution.

street musician =nghệ sĩ chơi nhạc rong ngoài phố

a musician =nghệ sĩ

restaurant=tiệm ăn.

a waiter=người hầu bàn

the pay is good=lương khá.

a flute=cây sáo.

Flutist=người thổi sáo.

I play the violin=tôi chơi đàn vĩ cầm.

We made beautiful music together =chúng tôi cùng chơi nhạc rất hay với nhau.

Xin để ý đến hình thức playing trong câu: I don't make much money playing music, but I love it

=chơi nhạc tôi không kiếm được nhiều tiền, nhưng tôi thích.

Music

CUT 1

Man on the street: Street musician and waiter.

Ken Moss talks to a musician in front of the Washington Monument.

I play the violin We made beautiful music together.[có ti ng nh c xa; ti ng n bên ngoài]

Kent: This is the Dynamic English Man on the Street, Kent Moss. Today I'm standing in front of the Washington Monument in Washington, D.C.[ti ng đàn vĩ c m ng ng, ti ng v tay]

Kent: That was beautiful!

Man: Thank you very much.

Kent: Do you play here every day?

Man: Yes, I do. I play here in the afternoon before I go to work.

Kent: Where do you work?

Man: At a restaurant near here.

Kent: What do you do?

Man: I'm a waiter.

Kent: A waiter? Do you like your job?

Man: Oh, it's OK. And the pay is good. But I really love playing music.

Kent: Well, you're an excellent musician.

Man: Thank you. I don't make much money playing music, but I love it. My girlfriend's also a musician.

Kent: Oh, what does she play?

Man: She plays the flute. I play the violin and she plays the flute. We made beautiful music together.

Kent: Well, I wish both of you the best of luck.

Man: Thank you. Would you like to hear some more?

Kent: Please...[có thêm ti ng đàn vĩ c m, nh d n]

Larry: A Question for You.

Max: Now here's a question for you.

Larry: Listen for the bell, then say your answer.

Max: How old are you?(ding)(pause for answer)

Max: Really, that a good age.

Music

VIETNAMESE EXPLANATION

Trong ph n k ti p Story Interlude, câu chuy n gi a bài, quý v nghe Kathy nói v i Max v m t m t ng i nh n là em trai. Cũng nghe chuy n b n trai c a Elizabeth là Boris, m t nhà khoa h c làm vi c đ i h c American University.

any news? = có tin gì không?

date =bu i h n đi ch i bên ngoài v i b n khác phái; date cũng ch ng i b n đi ch i bên ngoài.

get along =h p nhau.

You seem to be getting along well =hai b␣ n xem ch␣ ng h␣ p nhau.

scientist =nhà khoa h␣ c.

Russian is his first language =ti␣ ng Nga là ti␣ ng m␣ đ␣ c␣ a anh ta.

mystery =s␣ bí m␣ t.

mysterious =(adj.) bí m␣ t.

CUT 2

Story Interlude.

Elizabeth talks about her date with Boris. You seem to be getting very well.

Larry: And...were off the air. Good show, guys.

Kathy: Any news from your mystery brother?

Max: Nothing yet. He hasn't called back.

Eliz: Hi, there.

Kathy: Hi, Elizabeth. How was your date?

Eliz: We had a great time. We went to a movie and then had dinner.

Kathy: What did you see?

Eliz: That new movie with Jackie Bronson.

Kathy: How was it?

Eliz: I liked it; he didn't. Oh well.

Kathy: You seem to be getting along well. What's his name?

Eliz: His name's Boris.

Max: That's a Russian name, isn't it?

Eliz: Yes, that's right. He's Russian.

Max: How's his English?

Eliz: Pretty good, but Russian is his first language.

Kathy: What does he do?

Eliz: He's a scientist. He works at American University.

Kathy: Well, we look forward to meeting him. Have a good show.

Music

VIETNAMESE EXPLANATION

Ph␣ n s␣ p t␣ i, Functioning in Business, là m␣ t ch␣ ng trình Anh ng␣ Th␣ ng m␣ i trung c␣ p chú tr␣ ng v␣ các t␣ p t␣ c và li␣ i làm vi␣ c trong th␣ ng tr␣ ng. Bài h␣ c hôm nay là Checking In, Part 5,

ghi tên nh n phòng t i khách s n, ph n 5. Hôm nay chúng ta ti p t c ch ng trình v m t chuy n th ng v quan tr ng (an important business trip). Chúng ta nghe ba ng i. Đó là Charles Blake, làm cho hãng International Robotics, ch t o máy đi n t thay ng i; Michael Epstein làm cho hãng Advanced Technologies và Shirley Graham cũng làm cho hãng Advanced Technologies. Đo n t i quý v nghe cách yêu-c u xin giúp nh n.

I have Mr. Blake on the phone =tôi hi i n có ông Blake ch o đ u đây.

I was on business =tôi đi có công-chuy n.

CUT 3

Larry: All right. Ready for Functioning in Business.

Larry: Phone interview.

Eliz: Last week we heard part of a conversation between Charles Blake and the hotel receptionist at the Embassy Suites Hotel. Today we'll be hearing the rest of the conversation during Mr. Blake's check in.

I have Mr. Blake on the phone. [ti ng đi n tho i]

Eliz: Hello, Charles?

Blake: Hello, Elizabeth.

Eliz: How are you doing?

Blake: Just fine.

Eliz: Last week we listened in while you checked in at the Embassy Suites.

Blake: That's right.

Eliz: Tell us again why you were in the San Francisco area.

Blake: I was on business. I had plans to meet with Michael Epstein of Advanced Technologies. I wanted to talk to him about selling industrial robots to his company.

Eliz: Now let's hear the second half of of your conversation with the hotel receptionist as you check in.

Blake: Okay.

Music

VIETNAMESE EXPLANATION

Trong đó n t i Elizabeth nghe l i đó n đi n đàm khi Charles Blake ghi tên nh n phòng khách s n.

Xin nghe m y câu:

Can I make a print of your credit card? = Tôi xin phép in m t b n sao th tin đ ng c a ông đ c không? [Theo th t c th ng-m i, nhà hàng th ng in l i th mua ch u c a khách đ gi trong h s cho đ n khi khách thanh toán các kho n chi tiêu.]

a print = b n in.

Booked up =h t ch .

I'm afraid we're all booked up for Friday night =tôi e r ng các phòng đ u có ng i thuê h t vào t i th sáu.

But something may open up =nh ng có th có phòng tr ng.

Nh n xét: booked khi đ c có âm /t/ cu i ch . Nh ng đ ng t t n cùng b ng âm /p/ hay /k/, /s/, /sh/, /ch/ hay /f/ khi sang quá kh hay quá kh phân t , có thêm đuôi ed thì đuôi ed đ c nh âm /t/. Ví dụ : stopped (ng ng l i); cooked (n u chín), booked (đã mua tr c, dành tr c), talked (nói); missed (nh , h t); washed (r a s ch); watched (coi, xem, coi ch ng); roofed (có l p mái), boxed (đóng h p); laughed (c i). [laugh đ c là /la:f/ t n cùng b ng âm /f/ nên laughed đ c là /la:ft/].

As soon as possible =càng s m càng t t, ngay.

We're all set here Mr. Blake =chúng tôi đã làm xong h t th t c nh n phòng cho ông.

All set =ready=s n sàng.

There's a chance I'll be staying one more day =có th tôi s thêm m t ngày.

Bellman = nhân viên khách s n khuân hay sách đ hay nh n tin dùm cho khách. [Cũng nên bi t t ng-t còn có ch Porter, Bellboy hay Bellhop; nh ng không nên dùng Bellboy đ tránh ngôn ng k th].

phi tr ng, ng i khuân đ h khách còn g i là skycap. Confirmed reservation =đã gi phòng tr c và đã xác nh n. Xin chú ý v ch nh n trong câu.

Can I make a print of your credit card?= Tôi in m t b n sao th tin đ ng c a ông đ c không?

I'm afraid we're all booked up for Friday night. = Tôi e r ng chúng tôi không còn phòng nào tr ng vào t i th sáu.

If you could let me know as soon as possible, I would appreciate it. = N u cô vui lòng cho tôi bi t s m thì tôi c m t l m.

CUT 4

Dialog: Checking In, part 2

Larry: Dialog [Mr. Blake checks into the Embassy Suites Hotel.]

Receptionist: That room is \$120 a night.

Blake: Okay, fine. Can I use my credit card for that?

Receptionist: Yes, certainly, sir. Can I make a print of your credit card before we check you in?

Blake: Sure, there you are.

Receptionist: Okay, thank you. All right, fine. We're all set here Mr. Blake, and I'll get the bellman right away. We'll get you to your room.

Blake: Oh, by the way, there's a chance I'll be staying one more day, so I might be leaving on Saturday. Is that okay?

Receptionist: Let me check. Well, sir, I'm afraid we're all booked up for Friday night, but something may open up. Can I let you know?

Blake: Okay, if you could let me know as soon as possible, I would appreciate it.

Receptionist: Yes, we can do that for you sir. Okay, and here's your key, sir. I'll get the bellman for you. Bellman, front!

Music

VIETNAMESE EXPLANATION

Trong ph n t i, Language Focus: Listen and Repeat, Variations, quý v nghe nói m t câu b ng hai cách, nghe tr c r i i p i.

CUT 5

Larry: Variations. Listen to these variations

Eliz: Can I use my credit card for that?

Larry: Is it possible to use my credit card for that?(pause)

Eliz: Can I make a print of your card?

Larry: Let me make a print of your card.(pause)

Eliz: There's a chance I'll be staying one more day.

Larry: I might be staying one more day.(pause)

Eliz: If you could let me know as soon as possible, I would appreciate it.

Larry: Could you please let me know as soon as possible?(pause)

Music

VIETNAMESE EXPLANATION

Trong ph␣ n t␣ i, quí v␣ nghe m␣ t m␣ u đ␣m tho␣ i trong đ␣, ông Charles Blake k␣ i ông có th␣ ␣ thêm m␣ t ngày đ␣ n h␣ t th␣ b␣ y vì có ng␣ i xin hu␣ (b␣) ch␣ dành tr␣ c.

A cancellation =h␣ y b␣ . Đ␣ ng t␣ to cancel.

An extra night=thêm m␣ t đ␣m.

The hotel was all booked up=khách s␣ n không còn phòng tr␣ ng, có ng␣ i thuê h␣ t.

Something might open up =may ra có th␣ còn phòng tr␣ ng.

Originally =lúc đ␣ u.

CUT 6: Interview.

Eliz: Mr. Blake, let's talk about the conversation we just heard.

Blake: All right.

Eliz: I see you asked if you could stay an extra night at the hotel.

Blake: That's right. Originally I planned to stay four nights and to leave on Friday. When I arrived in San Francisco, I decided to stay an extra day so that I would have more time to meet with Mr. Epstein.

Eliz: The receptionist said the hotel was booked up on Friday night. Were you worried that you wouldn't be able to get a room?

Blake: A little, but she said that something might open up.

Eliz: Were you able to get a room?

Blake: Yes, I was. There were some cancellations at the hotel, and so I was able to stay until Saturday morning.

Eliz: Thanks for talking with us again, Charles.

Blake: I was my pleasure.

Eliz: Let's take a short break.

Music

VIETNAMESE EXPLANATION

Quý-vị väa häc xong bài 48 trong Chäng Trình Anh Ngữ Sinh äng, New Dynamic English. Phäm Văn xin kính chào quý vị thänh giä và xin hän gäp läi trong bài häc kä tiäp.